

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-ST
Ngày 22-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Lái Thiêu thuộc Trại tạm giam Bó Lá, Công an Thành phố H xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Phan Đình D (tên gọi khác: không), sinh năm 1992, tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là tổ A, khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai); chỗ ở: 6, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là 6, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Phan Đình H, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Dương Thị H1, sinh năm 1971; có 03 em ruột, lớn sinh năm 1995, nhỏ không rõ năm sinh; tiền án: ngày 30/9/2009, bị Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 105/2009/HSST. Ngày 17/11/2009, bị Toà án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 114/2009/HSST. Ngày 05/02/2010, bị Toà án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án

nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 28/HSST (tổng hợp hình phạt của Bản án số 105/2009/HSST và Bản án số 114/2009/HSST), bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí. Ngày 31/7/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 95/HSST ngày 31/7/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí. Ngày 20/4/2015, bị Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 84/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2022, đã nộp án phí, chưa thi hành xong phần dân sự về bồi thường; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/10/2024, có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Trọng N, vắng mặt.
2. Ông Lại Viết V, vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Hoài N1, vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Lê H2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Đình D là người nghiện ma túy, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên ngày 15/10/2024, bị cáo D sử dụng điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A 71 truy cập vào mạng xã hội Facebook và nhập từ khóa “Tìm mua ma túy”, bị cáo D truy cập vào một trang nhưng không nhớ rõ trang nào thì có người tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) rao bán ma túy ở khu vực cầu đi bộ H3 thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, bị cáo D đón xe ôm đến khu vực cầu đi bộ H gặp người đàn ông tên C mua 10 (mười) gói nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá, loại (Methamphetamine), giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đối tượng C cho bị cáo D thêm 15 (mười lăm) nỏ thủy tinh và 02 (hai) cân điện tử đã bị hư để bị cáo D mang về sửa và sử dụng.

Bị cáo D mang số ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy về cất giấu tại phòng ngủ của bị cáo D, tại địa chỉ: số F, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng. Sau khi mua ma túy, bị cáo D đã sử dụng một phần ma túy.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 30/10/2024, Lực lượng Công an phường T khám xét nơi ở của bị cáo D tại địa chỉ: số F, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), thời điểm

kiểm tra có bị cáo D và 02 (hai) người bạn của bị cáo D là Nguyễn Hoài N1, sinh năm 1998, thường trú: tổ H, ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai và Nguyễn Lê H2, sinh năm: 2007, thường trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Quá trình kiểm tra, Lực lượng Công an phát hiện và thu giữ: 06 (sáu) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng, 04 (bốn) nỏ thủy tinh bên trong không có gì, 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 06 nỏ thủy tinh (bên trong nỏ thủy tinh không chứa gì), 01 (một) ống hút màu xanh cắt nhọn một đầu, 01 (một) bình thủy tinh trên đầu gắn ống hút và 02 (hai) cân điện tử để trên ống nhựa màu đen cất giấu trong lồng máy giặt để trong phòng vệ sinh trên gác. Kiểm tra phòng ngủ của bị cáo D trên gác, Lực lượng Công an tiếp tục thu giữ 03 (ba) nỏ thủy tinh bên trong nỏ không chứa gì, 01 hộp đựng tai nghe hiệu AirPods màu trắng bên trong có 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng, bị cáo D khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy do bị cáo D mua về cất giấu để sử dụng. Lực lượng Công an tiến hành thu giữ vật chứng và bị cáo D, Nguyễn Hoài N1 và Nguyễn Lê H2 về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Công an, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với Nguyễn Hoài N1 và Nguyễn Lê H2 là bạn bè của bị cáo D đến chơi, không biết việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả xét nghiệm bị cáo D dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine. Còn Nguyễn Hoài N1 và Nguyễn Lê H2 âm tính với chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 13 (mười ba) nỏ thủy tinh, 01 (một) ống hút màu xanh cắt nhọn một đầu, 01 (một) bình thủy tinh trên đầu có gắn 01 (một) ống hút, 02 (hai) cân điện tử, 01 (một) hộp đựng tai nghe hiệu AirPods màu trắng, 08 (tám) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) điện thoại di động, hiệu S A71.

Kết luận giám định số 5312 ngày 07/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng 36,7306 gam.

Cáo trạng số 164/CT-VKS-KV16 ngày 07/01/2026 Viện kiểm sát truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 249 và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm h khoản 2 Điều 254; điểm h khoản 1 Điều 52 đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phan Đình D từ 11 năm đến 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) bì thư niêm phong ghi số 5312M1/PC09, 5312M2/PC09, khối lượng M1-1= 4,7837 gam; M1-2= 10,1215 gam; M2-1=19,6100; M2-2=1,4669 gam là khối lượng ma túy còn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu S A71, gắn sim 0977 005801 của bị cáo D là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại và tịch thu tiêu hủy sim số.

- Đối với 13 (mười ba) nỏ thủy tinh, 01 (một) ống hút màu xanh cắt nhọn một đầu, 01 (một) bình thủy tinh trên đầu có gắn 01 (một) ống hút, 02 (hai) cân điện tử, 01 (một) hộp đựng tai nghe hiệu AirPods màu trắng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Đối với Nguyễn Hoài N1 và Nguyễn Lê H2 không biết bị cáo D cất giấu trái phép chất ma túy và không liên quan đến số ma túy trên. Đồng thời, Kết quả kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của N1 và H2 (Âm tính). Vì vậy, không có căn cứ xử lý.

* Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T cho bị cáo D thuê nhà để ở, bà T không biết bị cáo D tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý.

* Đối với đối tượng tên C (không rõ nhân thân, lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 30/10/2024 tại địa chỉ: số F, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) lực lượng Công an khám xét phát hiện bị cáo Phan Đình D có hành vi cất giấu 36,7306 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng. Như vậy, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Phan Đình D còn có hành vi cất giấu 13 (mười ba) nỏ thủy tinh là dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 164/CT-VKS-KV16 ngày 07/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: bị cáo là người nghiện ma túy, đã từng bị xét xử.

[7] Vật chứng:

- Xét 02 (hai) bì thư niêm phong ghi số 5312M1/PC09, 5312M2/PC09, khối lượng M1-1= 4,7837 gam; M1-2= 10,1215 gam; M2-1=19,6100; M2-2=1,4669 gam là khối lượng ma túy còn lại sau giám định liên quan đến phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét 01 (một) điện thoại di động, hiệu S A71, gấn sim 0977005 801 của bị cáo D là phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại và tịch thu tiêu hủy sim số.

- Xét 13 (mười ba) nỏ thủy tinh, 01 (một) ống hút màu xanh cắt nhọn một đầu, 01 (một) bình thủy tinh trên đầu có gắn 01 (một) ống hút, 02 (hai) cân điện tử, 01 (một) hộp đựng tai nghe hiệu AirPods màu trắng liên quan đến phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với Nguyễn Hoài N1 và Nguyễn Lê H2 không biết bị cáo D cất giấu trái phép chất ma túy và không liên quan đến số ma túy trên. Đồng thời, Kết quả kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của N1 và H2 (Âm tính). Vì vậy, không có căn cứ xử lý.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T cho bị cáo D thuê nhà để ở, bà T không biết bị cáo D tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với đối tượng tên C (không rõ nhân thân, lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[11] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Đình D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Đình D 11 (mười một) năm tù.

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 254; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Đình D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phan Đình D phải chấp hành chung cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2024.

2. Xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bì thư niêm phong ghi số 5312M1/PC09, 5312M2/PC09, khối lượng M1-1= 4,7837 gam; M1-2= 10,1215 gam; M2-1=19,6100; M2-2=1,4669 gam là khối lượng ma túy còn lại sau giám định và sim số 0977005 801.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu S A71.

- Tịch thu tiêu hủy 13 (mười ba) nỏ thủy tinh, 01 (một) ống hút màu xanh cắt nhọn một đầu, 01 (một) bình thủy tinh trên đầu có gắn 01 (một) ống hút, 02 (hai) cân điện tử và 01 (một) hộp đựng tai nghe hiệu AirPods màu trắng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Đình D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA Tp. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (DA);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Thị Thụy